

Số: 299/2022/QĐST-HNGĐ

Hoàng Hóa, ngày 20 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, **điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.**

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 57/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Chu Thiện B, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Bà Hắc Thị B, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02 L, phường C, quận B, Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Nguyên A – Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện H – Bắc Thanh Hóa

Địa chỉ: Phố Đ, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

- Anh Chu Thiện M, sinh năm 1998

- Chị Chu Thị L, sinh năm 2000

- Anh Chu Thiện A, sinh năm 2003

Đều có địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tài sản và công nợ:

* Về tài sản:

Ông Chu Thiện B và bà Hắc Thị B có tài sản chung gồm:

- Thừa đất số 457, tờ bản đồ số 09, Bản đồ địa chính xã N lập năm 1996 (ứng thừa đất số 06, tờ bản đồ số 37 Bản đồ địa chính xã N lập năm 2015), tại địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, diện tích là 576,0m², đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X190366 ngày 31/12/2003 cho chủ hộ bà Hắc Thị B. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/4/2022, thửa đất có diện tích là 630,8m², trị giá 205.311.600 đồng;

- Tài sản trên đất gồm: Ngôi nhà 2 tầng, bê tông cốt thép chịu lực, mái đổ tại chỗ, diện tích xây dựng 89,9m², diện tích sàn là 155,15m², xây dựng năm 2012, trị giá 784.128.100 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung của ông B, bà B là 989.439.700 đồng (*Chín trăm tám chín triệu bốn trăm ba chín nghìn bảy trăm đồng*).

* **Các tài sản khác trên đất gồm:** Bán bình sân thượng, nhà phụ, nhà bắn mái, bán bình không tường, mái tôn xộp, chuồng trại, tường rào, sân gạch, cổng là tài sản riêng của **anh Chu Thiện M (con trai ông B và bà B) xây dựng trên đất của bố mẹ, anh Minh tặng cho lại bà Hắc Thị B.**

* Về công nợ:

Theo hợp đồng tín dụng số 3518LAV202004115 ngày 05/6/2020, tạm tính đến ngày 12/9/2022, ông Chu Thiện B và bà Hắc Thị B còn nợ chung của Ngân hàng N tổng số tiền 130.393.992 đồng (*Một trăm ba mươi triệu ba trăm chín ba nghìn, chín trăm chín hai đồng*), trong đó: nợ gốc là 130.000.000 đồng, nợ lãi là 393.992 đồng.

2.2. Phương thức phân chia tài sản, giải quyết công nợ:

- Chia cho Bà Hắc Thị B toàn bộ giá trị **quyền sử dụng đất** và ½ giá trị ngôi nhà 02 tầng, trị giá 599.242.704 đồng (*Năm trăm chín triệu hai trăm bốn hai nghìn bảy trăm linh bốn đồng*); Chia cho ông Chu Thiện B ½ giá trị ngôi nhà 02 tầng, trị giá 390.196.996 đồng (*Ba trăm chín mươi triệu một trăm chín sáu nghìn chín trăm chín sáu đồng*). Bà B được toàn **quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại** thửa đất số 06, tờ bản đồ số 37 Bản đồ địa chính xã N lập năm 2015 và phải có trách nhiệm giao lại cho ông B phần tài sản ông B được hưởng bằng tiền.

- Bà Hắc Thị B và ông Chu Thiện B mỗi người phải chịu nghĩa vụ đối với ½ số tiền nợ chung của Ngân hàng N, tạm tính đến ngày 12/9/2022 là ½ x 130.393.992 đồng = 65.196.996 đồng (*Sáu lăm triệu một trăm chín sáu nghìn chín trăm chín sáu đồng*). Bà B nhận trách nhiệm trực tiếp thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 12/9/2022 là 130.393.992 đồng (bao gồm trả nợ thay cho ông B số tiền 65.196.996 đồng), và tự nguyện trả toàn bộ nợ lãi phát sinh từ ngày 13/9/2022 cho đến khi tất toán khoản nợ. Thời hạn trả nợ và lãi xuất được thực hiện theo hợp đồng tín dụng đã ký. Quá

trình bà B thực hiện việc trả nợ, nếu có vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào mà hợp đồng tín dụng đã quy định, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự thi hành để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

- Số tiền bà B trả nợ thay cho ông B là 65.196.996 đồng được trừ vào số tiền tài sản ông B được hưởng là 390.196.996 đồng, bà B có trách nhiệm giao lại cho ông B số tiền chênh lệch về tài sản là 325.000.000 đồng (*Ba trăm hai lăm triệu đồng*).

Từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật ông B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, hàng tháng bà B còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.3. Về án phí:

- Ông Chu Thiện B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.754.900 đồng (*Chín triệu bảy trăm năm tư nghìn chín trăm đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp là 24.000.000đ (*Hai tư triệu đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0010718 ngày 14/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, trả lại cho ông B 14.245.100 đồng (*Mười bốn triệu hai trăm bốn lăm nghìn một trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bà Hắc Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.984.800 đồng (*Mười ba triệu chín trăm tám tư nghìn tám trăm đồng*).

- Trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.250.000 đồng (*Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0011151 ngày 23/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Vân